

Bản án số: 15/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 06-7-2020

V/v " ly hôn , tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Tphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bùi Quốc Huy và bà Phạm Thị Chuông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương*
tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST-
HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc " ly hôn ,tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 03
tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐ- HNGĐ-ST
ngày 19-6-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1985

Địa chỉ: phường T, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: V, phường T, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

(Chị P có mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-4-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng T được tự
nguyện tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng, huyện
Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Thất Hùng, thị xã Kinh
Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 26-10-2011. Sau khi kết hôn chúng tôi chung

sống hòa thuận hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông và luôn nghi ngờ vào tình cảm của chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Trong lúc vợ chồng mâu thuẫn anh T còn xúc phạm đánh đập chị. Đến tháng 3 năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T cũng đến nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không về. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải động viên nhưng không được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 25-01-2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20-9-2014. Hiện nay các con đều đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm lao động tự do thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Chị được bố mẹ đẻ chị hỗ trợ về chỗ ở cũng như giúp trong việc chăm sóc các con nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Trọng T trình bày: Anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 26-10-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2017 chị P muốn đi làm ăn xa nhà anh không đồng ý nhưng chị vẫn cố tình đi. Đến tháng 1 năm 2020 chị P về nhà không đi làm ăn xa nữa, khi chị P về vẫn tiếp tục chung sống cùng anh. Đến tháng 3 năm 2020 chị P và anh xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nguyên nhân dẫn đến hai bên mâu thuẫn là do bản thân anh không có việc làm ổn định, lông bông. Từ khi chị P về nhà bố mẹ đẻ ở anh cũng đến gặp chị P để hai bên hòa giải nhưng chị không nghe. Từ đó hai bên sống ly thân thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại nhưng chỉ cãi nhau, chị P còn chửi anh. Anh xác định mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng anh vẫn mong muốn chị P suy nghĩ lại về đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn. Lý do anh không đồng ý ly hôn không phải là anh cố níu kéo mà anh mong muốn vợ chồng nuôi con cho các cháu đỡ thiệt thòi. Nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn đó là quyền của chị ấy tự quyết định. Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 25-01-2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20-9-2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị P. Nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn anh đồng ý giao cả hai cháu cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 25-01-2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20-9-2014 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Trọng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Trọng T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường

phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh T đến làm việc, tiến hành hòa giải nhưng anh không đến và cũng không gặp gỡ nói chuyện với chị P để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, mặc dù anh có biết việc chị P đang làm thủ tục yêu cầu xin ly hôn. Điều đó càng chứng tỏ bản thân anh không còn ý thức mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cho hôn nhân đổ vỡ. Mặt khác lý do anh không đồng ý ly hôn không phải vì anh cố níu kéo mà vì con chung, không muốn các con thiệt thòi, còn nếu chị P muốn ly hôn thì chị tự giải quyết một mình Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Phương, xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 25-01-2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20-9-2014. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị P. Cháu V có nguyện vọng ở cùng với mẹ và anh T cũng đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là phù hợp nên cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, và Nguyễn Hữu Đ cho chị P được nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 25-01-2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20-9-2014 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000623 ngày 20-4-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đường sự;
- UBND phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt